

THỰC HÀNH GIÁO DỤC MỚI CỦA PHAN CHÂU TRINH TRONG PHONG TRÀO DUY TÂN

Lê Vũ Trường Giang

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: lvtgiang@husc.edu.vn

Ngày nhận bài: 13/12/2022; ngày hoàn thành phản biện: 20/12/2022; ngày duyệt đăng: 5/6/2023

TÓM TẮT

“Khai dân trí” là một trong những vấn đề lớn của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, được hình thành, cổ súy, hiện thực hóa trong Phong trào Duy Tân. Trong đó, Phan Châu Trinh (1872 - 1926) với vai trò là người thủ lĩnh của phong trào Duy Tân, là nhà hoạt động chính trị bằng con đường cách mạng dân chủ ôn hòa, chủ trương thực hiện canh tân đất nước. Ông đã xây dựng cơ sở quan điểm, lý luận và thực hành con đường giáo dục nhằm đạt tới mục tiêu nâng cao dân trí, đóng góp những giá trị và bài học kinh nghiệm trong lịch sử giáo dục nước nhà.

Từ khóa: Khai dân trí, canh tân đất nước, phong trào Duy Tân, Phan Châu Trinh.

1. CƠ SỞ QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC MỚI CỦA PHAN CHÂU TRINH

Phan Châu Trinh là một nhà yêu nước, một nhà tư tưởng lớn của dân tộc. Ông trưởng thành từ nền Nho học đã lỗi thời, lại tiếp thu tân học của những nhà canh tân ở Việt Nam và Trung Quốc, tiếp thu cả nền Tây học điển hình mà ông đã có thời gian theo đuổi ngay trên nước Pháp. Vì lẽ đó, tư tưởng của Phan Châu Trinh về công cuộc duy tân là một hệ thống có tính cấp tiến, chống lại xu hướng bảo thủ, trì trệ của đất nước trong điều kiện của một thuộc địa nửa phong kiến. Đó là cả một quá trình lịch sử, có tính chất kế thừa.

Những mầm mống đầu tiên của hệ tư tưởng mới khi “va chạm” với nền văn minh phương Tây được phát xuất từ các quan lại nhà Nguyễn. Đầu tiên, nhân vật Nguyễn Trường Tộ (1830 - 1871), người đã rất nhiều lần gửi lên vua Tự Đức và triều đình các bản điều trần, phúc trình về tình hình thế giới, đề xuất các giải pháp canh tân đất nước về kinh tế, khoa học, kỹ thuật, quân sự như gửi lên Triều đình Huế là *Tế cấp luận* (Bàn về những việc khẩn cấp), *Giáo môn luận* (Bàn về tự do tôn giáo) và *Thiên hạ phân hợp đại thế luận* (Bàn về những thế lớn phân và hợp trong thiên hạ), *Lục lợi từ* (Kế hoạch làm cho dân giàu) và hàng chục các điều trần cởi mở, có giá trị tư tưởng khác.

Kể đến, Phạm Phú Thứ (1821 -1882), người đồng hương Quảng Nam với Phan Châu Trinh đã để lại nhiều trước tác trên nhiều lĩnh vực, nhưng quan trọng nhất và nổi bật nhất là những công trình giới thiệu nền văn minh Tây phương sau chuyến công cán sang châu Âu 1863 – 1864 là bộ 5 cuốn: *Bác vật tân biên* (Sách khảo về khoa học tự nhiên), *Khai môi yếu pháp* (Phương pháp khai mỏ), *Hàng hải kim châm* (Kỹ thuật đi biển), *Tùng chánh di quy* (Kinh nghiệm trong việc làm quan), *Vạn quốc công pháp* (Lối giao thiệp các nước) ... Đây có thể xem là những “tân thư Việt Nam” giá trị, đưa tư tưởng, khoa học, kỹ thuật phương Tây giới thiệu với quốc dân đồng bào.

Và người gần nhất mà Phan Châu Trinh có sự học hỏi, kế thừa đó chính là Nguyễn Lộ Trạch (1853 – 1895), kẻ sĩ xông xáo tiến lên hàng đầu sĩ phu và quốc dân bằng tiếng nói duy tân đất nước với cái nhìn thực tế, sâu sắc, bao quát. Ông cũng đã dâng lên vua Tự Đức những kế sách canh tân như *Thời vụ thượng sách*, *Thời vụ hạ sách*... nhưng vẫn bị tư tưởng bảo thủ áp đảo. Nguyễn Lộ Trạch để lại tác phẩm *Khỉ ưu thiên* (Khi lo trời) để tường minh về tư duy canh tân của ông. Tác phẩm gây được tiếng vang lớn nhất chính là *Thiên hạ đại thế luận* (1882), một trước tác có tính lý thuyết chặt chẽ về công cuộc Duy Tân, đặt nền móng quan trọng về tư tưởng chỉ đạo mà nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Xuân cho rằng “*Đây là bản tuyên ngôn đầu tiên của Phong trào Duy Tân. Tôi dám gọi như thế vì những điểm thiết yếu trong bài luận này rồi đây được Phong trào Duy Tân sử dụng đầy đủ*” [7; tr.31]. Tuyên ngôn thứ hai thuộc về Phan Châu Trinh khi ông thực hiện Phong trào Duy Tân, đặt toàn bộ lý tưởng và nguyện vọng trong Chủ nghĩa Dân quyền, xác lập một vai trò triết học chính trị mới hay nói cách khác đưa một ý thức hệ mới để duy tân đất nước, thoát xiềng nô lệ. Phan Châu Trinh đặc biệt kế tục tư tưởng “chánh giáo” của Nguyễn Lộ Trạch, là một nền giáo dục lấy chánh đạo để đào tạo trí thức, quốc dân. Đây cũng là khởi nguồn của tư tưởng giáo dục “khai dân trí”.

Tư tưởng này thống nhất đối với Phan Châu Trinh trong quá trình hiện thực hóa Phong trào Duy Tân. Vào cuối đời, khi đánh giá vai trò làm chủ của người dân một quốc gia trong một lần diễn thuyết tại Sài Gòn năm 1925, ông thẳng thắn nói: “*Xét lịch sử xưa, dân nào khôn ngoan biết lo tự cường tự lập, mua lấy sự ích lợi chung của mình thì càng ngày càng bước tới con đường vui vẻ. Còn dân nào ngu dại cứ ngồi yên mà nhờ trời mà mong đợi mà trông cậy ở vua, ở quan, giao phó tất cả những quyền lợi của mình vào trong tay một người, hay là một chính phủ muốn làm sao thì làm, mà mình không hành động, không bàn luận, không kiểm xét thì dân ấy phải khôn khổ mọi đường*” [6; tr.110]. Cả cuộc đời Phan Châu Trinh đã “*lo tự cường tự lập, mua lấy sự ích lợi chung*” được chứng minh bằng con đường cách mạng, con đường duy tân mà ông hằng theo đuổi. Một trong những vấn đề bức thiết nhất để tránh “*phải khôn khổ mọi đường*” chính là mục tiêu kiến lập nền dân trí nước nhà. Xét tình hình Việt Nam lúc bấy giờ là một nước phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, dân trí rất thấp (95 - 99% mù chữ) trong khi đó, ở các nước Âu châu đang có những cuộc cách mạng lớn lao về khoa học, kỹ thuật. Phan Châu Trinh nhận xét về xã

hội Việt Nam thời đó: *“Than ôi! Nước Nam bây giờ dân khí yếu hèn, dân trí thì mờ tối, ví với các nước châu Âu châu Á, cách xa không biết bao nhiêu dặm đường”* [1; tr.406].

Từ khi tiếp xúc với tân thư, tân học, Phan Châu Trinh thay đổi nhận thức, xem trọng cái mới, cái tiến bộ của các quốc gia năm châu cùng thời. Ông đã kích Nho giáo và bài trừ “nạn khoa cử” đã lỗi thời: *“Cái đặc tính vĩ đại của dân tộc ngàn năm, cái linh chất sáng xuất, vì học thuyết của khoa cử che lấp, mà bị chìm đắm ẩn nấp bên trong, không thể tự trở thành phát đạt để mưu sự sống còn, đến nỗi gần như mất, chết mà không tự biết”* [4; tr.62]. Luồng tư tưởng khai phóng, cởi mở của tân thư đã vẽ ra chân trời mới cho vị nhân sĩ đang khát khao thực hiện giấc mộng canh tân đất nước: *“Một sớm kia bỗng nhiên mê mộng mới bị phá, như vén mây mù mà thấy trời xanh, như ra khỏi nhà tối mà thấy mặt trời mặt trăng”* [4; tr.63].

Phan Châu Trinh xuất thân khoa bảng, am tường Nho học đã mạnh dạn đả kích tư tưởng cổ hủ, sai lạc của một lớp người có học đang chiếm số đông trong xã hội: *“Cứ theo lời tôi đã nói thì anh em đồng bào cũng hiểu rằng: vì học đạo Khổng Mạnh một cách lâm lạc như thế cho nên hơn nghìn năm nay hết thấy những nước theo đạo tà Nho đều yếu hèn và phải mất một cách rất nhục nhã”* [6; tr.111].

Có thể nhận thấy chiêm nghiệm và xác định con đường đấu tranh của Phan Châu Trinh qua 3 mốc đáng chú ý. Năm 1905, ông sang Trung Quốc rồi sang Nhật trao đổi chính kiến với Phan Bội Châu, nhưng ông không đi theo con đường vũ trang của Phan Bội Châu. Năm 1906, Phan Châu Trinh ra Bắc gặp Lương Văn Can bàn việc mở một trường học tại Hà Nội để làm kiểu mẫu, rút kinh nghiệm mở các trường trong toàn quốc. Sau khi gặp Lương Văn Can, Phan Châu Trinh bí mật rời Hà Nội lên Phồn Xương gặp Hoàng Hoa Thám. Đầu năm 1907 Phan Châu Trinh trở về Quảng Nam cùng các ông Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng thực hiện chủ trương khai hóa dân trí đã bất chấp sự cấm đoán của bọn cầm quyền Bảo hộ Pháp và chính quyền Nam triều, các ông đã đi vận động mở nhiều trường học ở Quảng Nam như trường An Phước (Hoa Phụng), Tân Thạnh (Hòa Phước), Hòa An (Hòa Phát) đều thuộc huyện Hòa Vang ra đời. Sau khi hàng chục trường học ở Quảng Nam ra đời thì tại Hà Nội, ông cử Lương Văn Can, Đốc học Nguyễn Quyền cùng nhiều nhà nho khác đã thành lập trường Đông Kinh nghĩa thực ở Hà Nội. Vũ Thanh Sơn cho rằng: *“Phan Châu Trinh muốn lợi dụng chiêu bài khai hóa của thực dân Pháp để đấu tranh hợp pháp, trước hết là mở mang trường học để khai hóa dân trí”* [5; tr.564 – 565].

Trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, Phan Châu Trinh vẫn trông chờ vào sự thỏa hiệp của chính phủ Pháp, cụ thể là chính quyền thuộc địa có những chính sách “khai hóa”, rộng mở hơn trong giáo dục: *“Nếu nhân thế mà thiệt lòng khai hóa cho người mình, chính đốn trường học, mở mang sinh kế nọ kia, lấy cái não chất thông minh của người mình mà được thầy dạy hết lòng chỉ đạo cho, thì trên thế kỷ XX này, nước ta sẽ trở nên một nước thiếu niên mới nổi chân theo nước Pháp, vẫn không phải là việc khó”* [4; tr.69].

Đây cũng là hoàn cảnh lịch sử để Phan Châu Trinh cùng đồng sự cổ vũ cho Phong trào Duy Tân với mục đích nhằm làm tiến bộ dân tộc, cải cách đất nước. Ông có cái nhìn đi trước thời đại của mình rằng muốn cứu đất nước, trước tiên phải nâng trình độ của dân tộc lên ngang hàng với kẻ thù (ở đây là thực dân Pháp), phải khắc phục được khoảng cách khác biệt giữa ta và thù, giữa lạc hậu và văn minh, giữa yếu hèn và hùng mạnh, giữa đói khổ và no ấm. Một đất nước nghèo hèn và lạc hậu thì không thể nào đứng vững, trước sau gì cũng bị đô hộ, không bị cường quốc này thì bị cường quốc khác đè bẹp.

Phan Châu Trinh và những đồng chí của ông theo con đường duy tân đã đưa ra khẩu hiệu: *"Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh"*. Đây là một con đường tranh đấu ôn hòa để thay đổi cá nhân ở góc độ kiến thức, học vấn, tiến tới xây dựng xã hội mới. Chủ trương canh tân đất nước bằng dân trí và dân khí là hai cái nền tảng sức mạnh của một dân tộc. Ở đây, chúng tôi đi sâu vào phân tích vấn đề khai dân trí. Khai dân trí là mở mang dân trí, là bỏ Nho học mở trường dạy chữ Quốc ngữ, không học từ chương mà học thực dụng, bài trừ hủ tục và học theo khoa học kỹ thuật phương Tây. Đối với Phan Châu Trinh học không phải để đỗ đạt mà học cái gì, học để làm gì. Trong đó trước hết phải thực hiện "khai dân trí" để người dân có trí thức, có hiểu biết, mà muốn vậy người dân cần phải được giáo dục. Tư tưởng "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" mang một ý nghĩa sâu xa là nhằm xây dựng một con người tự lực, tự cường để tiến đến một tập thể tự lực, tự cường mà trong đó người dân từ thân phận nô lệ trở thành công dân một đất nước tự chủ. Trong công cuộc ấy, Phan Châu Trinh xác định rõ trách nhiệm của các trí thức tiến bộ đương thời là phải làm sáng rõ trí tuệ của dân ta. Ông xác định không cần phải dùng đến bạo lực, mà thay vào đó là nâng cao dân trí hòng tìm lấy sức mạnh và cơ hội tự cường để đẩy dân tộc ra khỏi vòng nô lệ.

Khai dân trí thường được các học giả giải thích là mở mang sự hiểu biết của người dân. Một mặt chủ trương khai dân trí của Phong trào Duy tân hồi đầu thế kỷ XX nhằm phát triển giáo dục, truyền bá kiến thức để nâng cao trình độ học vấn cho người dân, tiến tới vận động người dân xây dựng nền văn hóa mới. Khai dân trí cũng được hiểu là giải phóng trí tuệ, là một cuộc cách mạng về mặt tư tưởng và văn hóa, giải phóng trí tuệ cho người dân khỏi sự mê muội gây ra bởi ý thức hệ phong kiến mang tính nô dịch. Khai dân trí là vấn đề sống còn, hạn chế những rủi ro về chính trị: *"Một nước bao nhiêu triệu dân mà chỉ giao phó quyền chính cho một ông vua thì chẳng là ngu xuẩn lắm ư? Gặp được ông vua thông minh còn e lo chưa hết bốn phận thay, huống là gặp phải anh vua u mê làm ròng những sự độc ác, cấm dân có ăn học không được lo việc nước, thì dân có ăn học không được lo việc nước, thì dân khốn khổ biết bao, và còn có ai dám ra mà gánh vác. Một nhà không ai lo chủ trương, một nước không ai lo chủ trương, thì nhà nước ấy làm sao không tan không mất được"* [6; tr.104].

Khai dân trí là đưa dân trí từ chỗ tối đến chỗ sáng, là vạch ra con đường sáng trong cảnh tối tăm. Đồng thời, trong phong trào Duy tân, Phan Châu Trinh chủ trương cải cách là “khai thông dân trí, mở rộng dân quyền”, không tán thành con đường bạo động vũ trang của các nhà cách mạng, những người yêu nước trước đó và cùng thời.

2. QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC CẤP TIẾN CỦA PHAN CHÂU TRINH

Từ tư tưởng “Khai dân trí”, Phan Châu Trinh đã hoạch định những quan điểm giáo dục tân thời, có tính lý luận và biện chứng cao, rất nhiều quan điểm đến ngày nay vẫn còn giá trị. Trước hết, Phan Châu Trinh nhận ra sức mạnh của giáo dục: *“Trên thế giới này người ta kính nể kẻ mạnh và coi khinh kẻ yếu; và người ta cũng chẳng rủ lòng thương hại những kẻ dốt nát và những kẻ ngu ngốc”* [4; tr.73]. Nền tảng dân trí quyết định trình độ văn minh, sự tiến bộ của một dân tộc. Trong hoàn cảnh thuộc địa nửa phong kiến lúc bấy giờ, vấn nạn mù chữ chiếm đại đa số quần chúng. Dân trí thấp dẫn đến những hệ lụy khác của xã hội.

Phan Châu Trinh nhận thấy chính sách giáo dục của người Pháp đã làm nguy hại đến “dân khí”, tinh thần yêu nước của dân tộc: *“Người nào có học chữ Pháp một chút thì cũng biết rằng trong sách ấu học hoặc sách tiểu học, bắt đầu đều dạy: phải thương nhà thương người đồng loại; thế mà ngày nay không có ai dám mở miệng ra nói một tiếng: “thương nước” thì nghĩa có đáng chán không! Hơn sáu mươi năm nay ở dưới quyền một nước bảo hộ rất văn minh, rất tự do mà cái mầm tự do không nảy ra được là bởi tự đâu?”* [3; tr.31].

Phan Châu Trinh hoàn toàn đi ngược với xu hướng giáo dục đào tạo lúc bấy giờ, ông cho rằng giáo dục phải hướng tới quảng đại quần chúng, đó là đối tượng chính của giáo dục: *“...học vấn và giáo dục cho quảng đại dân chúng cấp bách hơn việc đào tạo tầng lớp ưu tú”* [4; tập 3; tr.34]. Quan điểm này là tiên quyết của khẩu hiệu “khai thông dân trí, mở rộng dân quyền”. Giáo dục phục vụ nhân dân, xóa bỏ “nạn giặc dốt” hòng khiến dân “ngu để trị” đang kìm hãm sự khai mở trí tuệ và chất lượng dân trí của nước nhà. Phan Châu Trinh nhận ra một mặt khoa cử phong kiến chỉ giới hạn trong tầng lớp Nho sĩ, thi cử hầu mong kiếm chút địa vị, quan chức trong hệ thống quan lại Nam triều đang trên đà suy sụp, mặt khác chính là nền giáo dục thuộc địa cốt chỉ đào tạo một tầng lớp học vấn mới để trung dụng trong bộ máy thực dân. Việc xác định đối tượng giáo dục chính là toàn thể nhân dân nước Việt, đồng nghĩa với giáo dục mang tính phổ cập rộng rãi trong quần chúng không phân biệt tầng lớp, xuất thân, không phân biệt vùng miền: *“...giáo dục phổ cập khắp nơi, giáo dục tăng cường, giáo dục không theo đuổi một mục đích thực dụng giúp người An Nam mưu đồ địa vị và bổng lộc ở chốn quan trường, mà là để làm phương tiện giải phóng quần chúng”* [4; tập 3; tr.231]. Giáo dục hướng tới *“phương tiện giải phóng quần chúng”*, thông qua thực hành giáo dục để mở mang dân trí, lấy đó làm bệ phóng để thức tỉnh đám đông, lấy lại tự tôn, vị thế dân tộc, dần dần tự cường, tự chủ, giành lại độc lập, chính là mục đích tối thượng của giáo

dục vậy: “*Khi đại đa số nhân dân An Nam có học vấn để hiểu những “Vi sao?” và “Như thế nào?” của sự vật, khi họ ý thức được mình, ý thức được quyền lợi của mình*” [4; tập 3; tr.231]. Đó là lúc chín muồi của việc mở mang dân trí và sự thức tỉnh trước công xiềng nô lệ, quần chúng ý thức được quyền làm chủ, hướng tới nền độc lập, tự chủ của nước nhà và sẽ có những hành động cụ thể để đạt được mục đích đó.

Phan Châu Trinh đánh giá cao phẩm chất của người Việt Nam và chỉ ra nguyên nhân của sự thụt lùi trong đấu tranh hiện tại là do sự bịt mắt của người Pháp cả về dân trí lẫn dân khí: “*Lấy lịch sử mà nói thì dân Việt Nam không phải là một dân tộc hèn hạ, mà cũng không phải là một dân tộc không thông minh, thế thì vì lẽ nào ở dưới quyền bảo hộ hơn 60 năm nay mà vẫn còn mê mê muội muội, bịt mắt vinh tay không chịu xem xét, không chịu học hỏi lấy cái hay cái khéo của người?*” [3; tr.22].

Theo quan điểm cá nhân, ông vạch ra lý do và con đường tìm đến sự giải phóng cho nước nhà: “*Theo ý tôi tưởng, chẳng qua dân Việt Nam mình hèn hạ nên người ta mới đè nén, nếu dân Việt Nam biết thương nước Việt Nam, biết học khôn cho nước Việt Nam nhờ thì người mình càng biết thương nước hơn, vì có biết thương nước mới biết chọn nước nào làm lợi, nước nào làm hại cho nó*” [6; tr.110]. Thông qua hoạt động giáo dục mà Phan Châu Trinh gọi là “*học khôn*” để tiếp thu văn minh nước ngoài, lựa chọn những con đường xán lạn để duy tân đất nước, tìm cách thoát khỏi vòng nô lệ. Đối với nền văn minh tiến bộ, Phan Châu Trinh rất ngưỡng mộ, ông quan niệm rằng, cần phải học hỏi cái hay, biết cái dở của họ để vận dụng vào phát triển và mở mang dân trí nước nhà. Ông cho rằng, cần nghiêm túc học hỏi các nước văn minh vì rằng: “*Phải chi lúc đó ta biết nhân dịp sang nước ngoài học tập lấy cái khéo của người ta, thì bây giờ so sánh tuy không kịp nước nhật nhưng so với Phi Luật Tân, với Xiêm La cũng không đến nỗi xa lắc như thế này*” [6; tr.112]. Bản thân Phan Châu Trinh cũng đưa con là Phan Châu Dật là con thứ ba và là con trai duy nhất sang Pháp học để nhằm đạt những mục đích mà ông theo đuổi.

3. THỰC HÀNH NỀN GIÁO DỤC MỚI TRONG PHONG TRÀO DUY TÂN

Trong quá trình vận động và thực hiện tư tưởng giáo dục mới của Phong trào Duy Tân, thời kỳ 1903 - 1905, tuyên truyền cổ động; từ năm 1906, các tổ chức học đường xem như kiện toàn. Các trường học Duy Tân ở tỉnh Quảng Nam có các trường lớn như Diên Phong, Phước Bình, Phú Lâm, Quảng Phước... và rất nhiều trường khác.

Trong việc đề ra chương trình giáo dục, Phan Châu Trinh quan niệm, muốn mở mang dân trí, phải tiến hành học thực dụng để phục vụ cuộc sống dân sinh, tiến tới xây dựng xã hội tiến bộ, đất nước tự cường, phồn vinh. Ông chủ trương xóa bỏ lối học từ chương, phù phiếm của người xưa. Phong trào Duy Tân chủ trương ngay từ đầu chấn hưng cổ học, tăng cường việc học thực nghiệm. Các trường thuộc Phong trào Duy Tân đề cao việc học và sử dụng chữ quốc ngữ, coi trọng vấn đề thực nghiệp, thực tế,

tiệm cận với khoa học, kỹ thuật thời bấy giờ và đặc biệt chống lối học từ chương, bỏ khoa cử...

Điều này nhất quán với tư tưởng khai dân trí để khỏi mờ tối thì phải đổi mới, bỏ cái cũ để học cái mới, bỏ cái lạc hậu để học cái tân tiến, bỏ từ chương để học khoa học kỹ thuật. Phan Châu Trinh cho rằng tất cả quần chúng phải học các nền văn minh của các dân tộc khác. Được như vậy thì xã hội mới tiến bộ và có quyền sống ngang nhau. Khi chủ trương triển khai và vận dụng vào việc học, chỉ sau một thời gian đã có kết quả như ý. Đó là cách học có tính thực dụng, hướng nghiệp, không chỉ có ý nghĩa ở thời điểm bấy giờ mà còn có ý nghĩa cho đến tận ngày nay. Bản thân Phan Châu Trinh là người rất ham học hỏi và biết nhiều nghề, đi đến đâu ông đều kêu gọi mọi người phát triển hội nghề nghiệp nhằm phát triển kinh tế, từ đó góp phần hỗ trợ cho sự nghiệp giáo dục. Còn học thuật, ông quan niệm cần phải đổi mới về nội dung, phương pháp, đặc biệt là chú trọng phát triển khoa học, kỹ thuật. *“Họ không học theo lối nói đầu cúi đầu nghe đó kiểu Không viết mà bắt đầu có những cuộc thảo luận sôi nổi. Người hăng hái nhất vẫn là Phan Châu Trinh. Các sĩ phu cũng bắt đầu tấn công cổ nhân, do đó gây nên một sự tách biệt mới mẻ giữa đám bảo thủ và tân nhân vật”* [7; tr.210].

Để thực hiện được “khai dân trí”, vấn đề cốt yếu đầu tiên là lập trường học. Lúc bấy giờ, chính quyền thuộc địa đồng ý với cách làm này dưới hình thức trường tư thục. Để lập trường phải có sự vận động để dân chúng và những nhà tài trợ hiểu, cùng tương trợ. Phan Châu Trinh đã dùng cách thức diễn thuyết trước đám đông tại từng địa phương và đồng thời lập ra Hội diễn thuyết trong Phong trào Duy Tân: *“Hội diễn thuyết thì chính tôi xuống ra. Nguyên buổi ấy quan Toàn quyền Beau có sức bảo các quan tỉnh chuyên sức xã dân lập trường tiểu học... Tôi đến Tòa sứ xin thiết sức cho xã dân lập trường học.... Bởi vậy, tôi đi khắp trong xã dân diễn thuyết nói việc lập trường học có ích, trong 5 - 6 tháng lập ra trường dạy quốc ngữ và trường dạy chữ Pháp ước lượng hơn 40 trường”* [7; tr.216]. Việc diễn thuyết đã tác động lớn đến nhân dân thời đó, đặc biệt trong hàng ngũ nhân sĩ, các hào trưởng địa phương. 40 trường là con số rất đáng chú ý tại Quảng Nam, cho thấy sự đúng đắn của chủ trương và cách làm của Phan Châu Trinh và các đồng sự.

Các trường học theo Phong trào Duy Tân thực hiện các mục đích giáo dục rõ ràng và có tính hệ thống trong các trường học: *“Cốt ý đào tạo những con người có tư tưởng, theo chánh giáo, lấy yêu nước làm động cơ, lấy khai trí trị sinh tức là mở mang trí não và đời sống vật chất của dân làm mục đích”* [7; tr.218]. Ban quản trị các nhà trường rất thực tế trong cách giáo dục học sinh, chú trọng lý thuyết và thực hành, xây dựng chương trình giáo dục hướng tới tính toàn diện, đầy đủ: *“Giáo dục vừa có lý thuyết vừa có thực hành, quan trọng hơn nữa là biết gắn liền, gắn chặt vào đời sống nông nghiệp của quảng đại quần chúng nên nền giáo dục ấy vừa thực tiễn vừa muốn gây sự đồng tiến. Gọi là toàn diện vì không chỉ lo đào tạo trí thức, nhà trường còn đạo tạo tính khí, nhân cách, lý tưởng, còn chú*

trọng đến việc luyện tập sức khỏe” [7; tr.218]. Chính sự thực hành rất ráo đã làm nên sự khác biệt trong cách giáo dục thời bấy giờ, phù hợp với hoàn cảnh của học sinh. Vì thế, ngay từ đầu người theo học rất đông và tiếp tục mở rộng, duy trì số lượng cho đến lúc bị chính quyền thuộc địa Pháp đàn áp.

Một số trường đã biết sử dụng các học cụ mới, đặc biệt nhất là bảng đen, phấn trắng: “Đó là một cải cách quan trọng vì ngày xưa, ông thầy chỉ chép bài thẳng vào vở hoặc học trò xem sách mà chép lại” [7; tr.215]. Phan Châu Trinh và các nhà Duy Tân rất tiến bộ trong việc áp dụng cái mới vào trường học. Bảng đen, phấn trắng góp phần thay đổi phương pháp giáo dục cũ, là bộ công cụ truyền đạt kiến thức trực diện đến người học và có sự trao đổi, làm việc giữa người dạy và người học trên cùng một phương tiện.

Về sách vở được áp dụng dạy tại trường dù chưa có một chương trình rõ ràng nhưng tiêu chí chọn là sách hay, cần thiết, tân tiến, có tính thực dụng cao. Môn tư tưởng sử dụng tân thư của Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, thuyết Dân quyền... Môn Toán dùng sách Trần Văn Thông. Môn khoa học phổ thông dùng sách *Giáo khoa, Bác vật chí* của Phạm Phú Thứ. Các môn về địa lý dùng các sách như *Dinh hoàn chí lược, Đại Nam nhất thống chí, Quảng Nam địa dư chí*. Môn lịch sử dùng *Việt sử cảnh* của Hoàng Cao Khải. Ngoài ra còn học cách ngôn liên bích, Trích cảm... [7; tr.216]. Phan Châu Trinh và cộng sự đã chọn ra những đầu sách để cung cấp kiến thức cho người học, về cơ bản đã bám sát các mục tiêu giáo dục, có tính cập nhật các sách vở phổ thông, có đủ các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, đặc biệt sử dụng tân thư để đưa vào chương trình giáo dục của các trường Duy Tân.

Trong công tác tổ chức thi cử, trường học Duy Tân có cách làm rất sáng tạo: “Mỗi lần khảo hạch, ngày rằm, mồng một thi học trò tụ họp lại, trường này dẫn sang trường kia theo một thời khóa biểu luân chuyển để học sinh làm bài thi chung với nhau. Do đó, họ dễ quen biết nhau, thi đua trao đổi kinh nghiệm và cũng là cách du ngoạn, học địa lý, hiểu biết dân tình nhất” [7; tr.219]. Hình thức tập hợp các trường cùng hệ thống về một địa điểm để tổ chức thi cử góp phần tạo ra một sân chơi mới, học sinh nhân đó cũng tổ chức các hội hè, gia tăng, kết nối tình cảm giữa học trò và nhân dân. Đây cũng là một cách để tuyên truyền rộng lớn cho phong trào Duy Tân những tư tưởng mà Phan Châu Trinh và đồng sự hướng đến, mà trước mắt là “khai dân trí” trong cuộc cải cách giáo dục.

Về thời giờ khóa biểu, để phù hợp với hoàn cảnh đa phần các học sinh đều là con em các hộ làm nông, các trường Duy Tân đã “*ứng dụng nguyên tắc thả học thả canh, là vừa làm ruộng vừa học. Học sinh sẽ được học vào những mùa rất thuận lợi cho việc canh tác ruộng đất, nghỉ vào những thời kỳ mà mùa màng cần họ có mặt để trong coi gặt hái*” [7; tr.218]. Thật ra, nguyên tắc này đã được áp dụng từ thời học chữ Hán, nhưng Phan Châu Trinh và các cộng sự ý thức được hoàn cảnh của một quốc gia nông nghiệp lạc hậu và đã linh hoạt áp dụng để tạo được thời gian học tập và hiệu quả mong muốn cho học sinh. Vì nếu máy móc áp dụng kỳ nghỉ hè như các nước văn minh sẽ xảy ra

tình trạng học sinh phần lớn sẽ bỏ bê nông nghiệp, bỏ cái gốc kinh tế của mình hoặc dẫn đến tình trạng lơ là việc học. Do đó, vào mùa vụ, tùy theo trường hợp, hoàn cảnh địa phương nên mỗi tuần chỉ dạy học đôi ba ngày vào những ngày mùa.

Có thể nói, quan điểm giáo dục trong Phong trào Duy Tân mà Phan Châu Trinh và các cộng sự theo đuổi chính là việc học để tiếp thu kiến thức, là điều kiện đầu tiên để “khai dân trí”. Vì thời gian thành lập và hoạt động khá ngắn, không nằm trong hệ thống giáo dục thuộc địa hay của Nam triều cũng như sự bảo trợ về mặt pháp luật của chính quyền thuộc địa chưa hình thành nên các trường học Duy Tân cũng chưa chú trọng đến vấn đề bằng cấp sau khi tốt nghiệp hay thi cử để đỗ đạt, có vị trí xã hội, dù đó là điều tối quan trọng và cần thiết mà bức kỳ mô hình giáo dục nào cũng hướng đến. Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Xuân cho rằng đây là một lối học mới mẻ, đặc biệt và đúng đắn: “*Học Duy Tân rốt lại chỉ là học để biết, để mở mang trí não, để có những kiến thức mới. Có lẽ đó là lối học đứng đắn nhất từ xưa ở nước ta chăng? Trong khoảng nhiều thế kỷ lại đây, chưa bao giờ nghe có việc đó xảy ra trong học giới nước ta cả*” [7; tr.218]. Đó là cái mới, là sự khác biệt và đi thẳng vào vấn đề có tính thực dụng, thực học. Nhà văn Nguyễn Ngọc nhìn nhận: “*Những vấn đề cơ bản nhất làm nền tảng cho độc lập tự chủ và phát triển dân tộc mà Phan Châu Trinh đã thông thiết nêu lên từ đầu thế kỷ XX, trong đó trung tâm là vấn đề dân trí thì đến nay vẫn còn nguyên đầy*” [2; tr.27]. Xét trong bối cảnh hiện tại, tư tưởng “khai dân trí” của Phan Châu Trinh còn đó nguyên giá trị, còn đó những trăn trở mà nền giáo dục nước nhà đang hướng tới: “*Đó là một nhiệm vụ, một món nợ mà lịch sử còn để lại cho chúng ta hôm nay: nhiệm vụ xây dựng một xã hội dân chủ trên cơ sở một dân trí được nâng cao*” [2; tr.28]. Qua đó để thấy rằng, vấn đề dân trí và nâng cao dân trí luôn là bài toán và chìa khóa để tự cường, phát triển đất nước.

4. GIÁ TRỊ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA THỰC HÀNH GIÁO DỤC PHAN CHÂU TRINH TRONG BỐI CẢNH GIÁO DỤC HIỆN NAY

Tư tưởng giáo dục của Phan Châu Trinh hồi đầu thế kỷ XX đến nay vẫn còn những giá trị và bài học kinh nghiệm cho chúng ta trong quá trình đổi mới giáo dục. Dưới đây là một số nhận định liên quan đến các giá trị, bài học kinh nghiệm có tính thực tiễn hiện nay.

Trước hết, cần đặt lại vấn đề triết lý và mục đích giáo dục như cách cụ Phan Châu Trinh đã cổ súy cho Phong trào Duy Tân. Có triết lý giáo dục, có mục đích rõ ràng sẽ có chiến lược giáo dục toàn diện, sâu rộng, tích cực. Ở đây cần chú trọng hai yếu tố chính là công dân mà nền giáo dục muốn tạo ra và xã hội tương lai được tạo ra từ chính những công dân hưởng thụ nền giáo dục đó. Vấn đề cốt lõi này cần xác định rõ như khẩu hiệu giáo dục của cụ Phan Châu Trinh là “khai dân trí”.

Về phương pháp, cần bỏ cách dạy rập khuôn máy móc, mang tính giáo điều, tạo áp lực không đáng có đè nặng lên cả người dạy và người học. Phan Châu Trinh và các cộng sự chủ trương cách dạy mới, bỏ lối từ chương của giáo dục Nho giáo trước đó. Như vậy, giáo dục hiện nay cần phải bỏ những cái cũ, lạc hậu, không phù hợp trong ngành giáo dục như bệnh thành tích, các phương pháp dạy học cũ, ít tương tác giữa người dạy và người học, cần nắm bắt xu thế của thế giới, áp dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

Về nhận thức vai trò của giáo dục, hệ thống chính trị nói chung và ngành giáo dục nói riêng cần tuyên truyền, tăng cường nhận thức về xã hội học tập, tinh thần học tập suốt đời như cụ Phan Châu Trinh gọi “một vật rất quý” là “chi bằng học” để nâng cao dân trí, kiến thiết đất nước trong bối cảnh mới nhất là khi cuộc cách mạng 4.0 với những thách thức mới về tri thức, năng lực con người. Do đó, cần “*coi trọng việc thực học, thực nghiệp, người dạy và người học cần hiểu đúng mục đích của việc dạy và học*” [9; tr.11]. Có như vậy, tính cốt lõi của giáo dục, hệ hình giáo dục mới dần hoàn thiện.

Về đội ngũ giáo dục, cần xác định vai trò của người thầy được coi trọng, trao quyền cho giáo viên trong việc chủ động xây dựng kế hoạch dạy học, tự chủ trong phương pháp và độc lập trong đánh giá học sinh. Đồng thời gìn giữ phát huy các truyền thống nghìn đời của dân tộc như truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo. Chú trọng việc bồi dưỡng đội ngũ, bắt kịp xu thế của thời đại, trong đó nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, giữ gìn tác phong, tư cách, đạo đức, nhấn mạnh sự làm gương của người thầy, lương sư sẽ làm hưng thịnh quốc gia.

Bên cạnh đó, cần chú trọng các nguyên tắc giáo dục như quan tâm, xây dựng đến tính dân chủ trong trường học, kiến tạo văn minh học đường. Trong đó, người học được bày tỏ chính kiến, được tham gia hoạt động giải trình xã hội, lấy học sinh làm trung tâm, hướng tới xây dựng trường học thân thiện. Người học có vai trò chủ thể, được tôn trọng quan điểm, cách nhìn nhận, cảm nhận cũng tôn trọng, tạo điều kiện phát triển thiên hướng, sở trường. Đồng thời, tôn trọng, hướng đến sự dân chủ trong môi trường giáo dục, đội ngũ giáo viên, giảng viên, xem họ là động lực phát triển giáo dục, đổi mới giáo dục theo hướng tích cực nhất.

Công cuộc đổi mới giáo dục cần coi trọng việc nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường tri thức, kỹ năng, hướng đến giáo dục có chuẩn đầu ra là năng lực thực thụ và phẩm chất đạo đức của người học. Muốn vậy, cần huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu trong chiến lược phát triển và cần lắng những nhà quản lý có tâm, có tầm, có chiến lược lâu dài với nền giáo dục đầy khai phóng, trí tuệ, nhân bản của nước nhà.

KẾT LUẬN

Tư tưởng khai dân trí của Phan Châu Trinh là tư tưởng cấp tiến, là yếu tố chủ đạo của công cuộc duy tân đất nước, trước hết là về mặt tư duy nhận thức “*làm cho dân tộc thay đổi tư duy cũ kỹ để vươn lên tầm nhận thức mới cao hơn, phù hợp với sự phát triển của thời đại*” [2; tr.112 -119]. Vào đầu thế kỷ XX, Phan Châu Trinh đã nhận thức và làm sáng tỏ được con đường Duy Tân, cũng như hiện thực hóa tư tưởng mà ông và đồng sự theo đuổi, được nhân dân ca tụng, tán thành. Quan điểm giáo dục của Phan Châu Trinh đã xác định được triết lý, mục đích, đối tượng, phương pháp giáo dục... trên tinh thần học hỏi, cầu thị, cấp tiến. Quá trình thực hành giáo dục đã mở ra trang mới cho nền giáo dục nước nhà ở tính toàn diện, thực dụng và hướng ra thế giới. Do hoàn cảnh lịch sử, các yếu tố khách quan và chủ quan khác, những nỗ lực đổi mới giáo dục của Phan Châu Trinh và đồng sự chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn, bị đàn áp nên dừng ở mức độ phong trào. Nhưng những giá trị lớn lao, có tính vĩ mô từ quan điểm giáo dục đến thực hành giáo dục cho thấy sự bao quát, sâu sắc của việc “khai dân trí” trên một hệ thống lý luận và hiện thực đầy đủ, linh hoạt. Tất cả đã làm nên giá trị tư tưởng và khát vọng của Phan Châu Trinh về nền dân trí, hướng tới dân quyền, thể hiện tầm nhìn lớn của một nhà Duy Tân, một người yêu nước chân thành trong lịch sử dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Văn Dương (2006). *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, “Đầu Pháp chính phủ thư”, 1906, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Ngọc (2002). “Nhà cải cách giáo dục lớn đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Tia sáng*, Hà Nội, tháng 10-2002.
- [3]. Đặng Việt Thanh (1964), “Ý kiến trao đổi trong việc bình luận về Phan-Chu-Trinh: Đánh giá quan điểm luân lý đạo đức của cụ Phan-Chu-Trinh”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 68 (Tháng 11/1964), 21-24.
- [4]. Phan Châu Trinh (2005). *Toàn tập*, tập 1, 2, 3, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [5]. Vũ Thanh Sơn (2009). *284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội
- [6]. Vĩnh Sính (2018), *Phan Châu Trinh và các tác phẩm chính luận*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7]. Nguyễn Văn Xuân (1969). *Phong trào Duy Tân*, Nxb Lá Bối, Sài Gòn.
- [8]. Trần Mai Ước (2013). “Tư tưởng “Khai dân trí” của Phan Chu Trinh suy nghĩ về đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, số 42/2013.
- [9]. Đỗ Văn Vinh (2015), Tư tưởng giáo dục của Phan Châu Trinh, *Tạp chí Giáo dục*, số 354.

THE NEW EDUCATIONAL PRACTICE OF PHAN CHAU TRINH IN THE DUY TAN MOVEMENT

Le Vu Trung Giang

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: lvtgiang@husc.edu.vn

ABSTRACT

"Khai dân trí (Civil education)" which was one of the major issues of Vietnamese society in the early twentieth century, was formed, promoted and realized in Duy Tan Movement. As the leader of Duy Tan movement, Phan Chau Trinh (1872 - 1926) advocated for national renewal as a political activist through a peaceful democratic revolution. He built the basis of viewpoints, theories and practices on the educational path to achieve the goal of raising people's knowledge, contributing values and lessons learned in the educational history of the country.

Keywords: Civil education, reform the country, Duy Tan movement, Phan Chau Trinh.



Lê Vũ Trường Giang sinh ngày 06/01/1988 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp Cử nhân khoa học Lịch sử năm 2010 và nhận học vị Thạc sĩ Lịch sử năm 2013 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2021, ông nhận học vị tiến sĩ ngành Lịch sử Thế giới, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện nay ông công tác tại Trường Đại học khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử thế giới cổ trung đại, lịch sử quân sự, quan hệ quốc tế, văn hóa học.